

**KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ PHÒNG NGỪA CHUẨN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**

Nguyễn Thị Minh Huệ¹, Trần Như Nguyễn²,
Đinh Thị Kim Dung², Trần Thị Hiền Phi¹

¹Bệnh viện Nội tiết Trung ương; ²Trường Đại học Thăng Long

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên Bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 234 điều dưỡng tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023. **Kết quả:** Về kiến thức: 88,5% điều dưỡng có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn, trong đó kiến thức vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh đạt cao nhất. Kiến thức đạt thấp nhất là xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải (4,3%). Về thái độ: 68,8% điều dưỡng có thái độ đạt về phòng ngừa chuẩn, trong đó mục đích của mang phương tiện phòng hộ là bảo vệ nhân viên y tế, người bệnh và cộng đồng chiếm tỉ lệ cao nhất, tỷ lệ thấp nhất ở nội dung nếu tuân thủ phòng ngừa của nhân viên y tế tăng lên thì tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh giảm xuống (5,1%). **Kết luận:** Kiến thức và thái độ của điều dưỡng viên về phòng ngừa chuẩn ở mức độ khá tốt. Cần tiếp tục tăng cường kiến thức và thái độ đúng về phòng ngừa chuẩn cho điều dưỡng.

Từ khóa: Phòng ngừa chuẩn, điều dưỡng viên

**KNOWLEDGE, ATTITUDE ON STANDARD PRECAUTIONS OF NURSING STAFF
AT THE NATIONAL HOSPITAL OF ENDOCRINOLOGY IN 2022**

Nguyen Thi Minh Hue¹, Tran Nhu Nguyen²,
Dinh Thi Kim Dung², Tran Thi Hien Phi¹

¹National Hospital of Endocrinology ; ²Thang Long University

ABSTRACT

Objectives: To describe knowledge and attitudes about standard precautions of nurses at the National Hospital of Endocrinology in 2022. **Methods:** cross-sectional design was implemented among 234 nurses working at National Hospital of Endocrinology from April 2022 to August 2023. **Results:** Knowledge: 88.5% of nurses have correct knowledge of standard precautions, in which knowledge of hygiene when coughing, breathing, arranging patients was the highest. The lowest knowledge was handling medical equipment and cloth handling (4.3%). Attitude: 68.8% of nurses have a correct attitude of standard prevention,

Tác giả: Nguyễn Thị Minh Huệ
Địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết Trung ương
Email: minhhuiebvtnt83@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/11/2022
Ngày hoàn thiện: 27/4/2023
Ngày đăng bài: 28/4/2023

*in which the highest rate in the content, purpose of wearing protective equipment is to protect health workers, patients and the community for, and the lowest rate in the content, if the medical staff's adherence to precautions increases, the infection rate will decrease (5.1%). **Conclusion:** Nurses' knowledge and attitudes about standard precautions are quite good. There is a need to continue to strengthen the knowledge and correct attitudes about standard precautions among nurses.*

Keywords: Standard precautions, nurses

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phòng ngừa chuẩn (PNC) là biện pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa nguy cơ mắc nhiễm khuẩn bệnh viện. Nhiễm khuẩn bệnh viện là nguyên nhân hàng đầu về tàn tật và tử vong [1]. Theo Tổ chức Y tế thế giới, năm 2007 tại các nước đang phát triển cho kết quả 1,4 triệu người bệnh bị nhiễm khuẩn bệnh viện, chi phí cho người bệnh mắc nhiễm khuẩn bệnh viện khoảng 1.300.000 - 2.300.000 USD/ năm. Tại Châu Âu, tỷ lệ tử vong do nhiễm khuẩn bệnh viện khoảng 50.000 ca tử vong/ năm [2]. Tại Việt Nam tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện chung ở người bệnh nhập viện từ 5% - 10% tùy theo đặc điểm và quy mô bệnh viện [3]. Bệnh viện Nội tiết Trung ương là Bệnh viện trung ương tuyến cuối, lưu lượng người bệnh đến khám và điều trị rất đông, mặt bệnh đa dạng từ nhẹ đến nặng nên công tác phòng ngừa chuẩn có vai trò rất cần thiết, đặc biệt tại một số khoa có nguy cơ lây nhiễm cao như khoa Điều trị tích cực và các khoa Ngoại. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng ngừa chuẩn trong công tác phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện và các dịch bệnh truyền nhiễm của nhân viên y tế đặc biệt là đội ngũ điều dưỡng viên (ĐDV) trở nên cần thiết hơn bao giờ hết vì đây là đối tượng thường xuyên trực tiếp chăm sóc người bệnh (NB). Từ đó chúng tôi tiến hành đề tài này với mục tiêu: *Mô tả kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2022.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được triển khai tại Bệnh viện Nội tiết trung ương

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023.

2.2. Đối tượng nghiên cứu: là điều dưỡng viên đang công tác tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Các ĐDV đa khoa có trình độ từ trung cấp trở lên trực tiếp làm chuyên môn đang công tác tại bệnh viện.

- Điều dưỡng viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: ĐDV hành chính không làm chuyên môn.

- ĐDV không có mặt ở khoa trong thời gian thu thập số liệu (nghỉ ốm, nghỉ đẻ, đi học).

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.4.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ các điều dưỡng viên làm việc tại các khoa lâm sàng trong bệnh viện đảm bảo tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu trên. Trong thời gian nghiên cứu có 234 điều dưỡng tham gia nghiên cứu.

2.4.3. Bộ công cụ nghiên cứu

- Bộ câu hỏi phỏng vấn chia làm 3 phần.

Phần 1 gồm 10 câu hỏi thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.

Phần 2 gồm 74 câu để đánh giá tình trạng kiến thức PNC của ĐDV. Bộ câu hỏi đạt độ tin cậy với giá trị Crombach's alpha = 0,816 và Hệ số KMO = 0,709 với $p < 0,05$.

Phần 3 gồm 22 câu hỏi để đánh giá thái độ PNC của ĐDV. Bộ câu hỏi đạt độ tin cậy với giá trị Crombach's alpha = 0,821 và Hệ số KMO = 0,72 với $p < 0,05$.

2.4.4. Thang đo

- Kiến thức: Từ câu B1 đến câu B74. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1 điểm, sai sẽ được tính 0 điểm. Tổng số điểm tối đa là 74.

Nội dung kiến thức	Tổng điểm	Đạt ($\geq 70\%$)	Không đạt ($< 70\%$)
Kiến thức chung trong PNC	5	≥ 4	< 4
Kiến thức vệ sinh tay	15	≥ 11	< 11
Kiến thức về sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân	20	≥ 14	< 14
Kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn	8	≥ 6	< 6
Kiến thức vệ vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh	9	≥ 6	< 6
Kiến thức xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải	9	≥ 6	< 6
Kiến thức đạt về vệ sinh môi trường và quản lý chất thải y tế	8	≥ 6	< 6
Tổng điểm	74	≥ 52	< 52

-Thái độ: sử dụng thang đo Likekert theo 4 mức độ là rất đồng ý, đồng ý, không đồng ý, rất không đồng ý. Khi chấm điểm đạt chia thành các nhóm:

+ Không đồng ý, rất không đồng ý = 0 điểm

+ Rất đồng ý, đồng ý = 1 điểm

Tổng số điểm tối đa là 22 điểm. Phân loại:

+ Thái độ đạt: có từ 70% tổng số điểm trở lên (≥ 16 điểm).

+ Thái độ không đạt: có ít hơn 70% tổng số điểm trở lên (< 16 điểm).

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu thập trong nghiên cứu được nhập liệu và xử lý theo phương pháp thống kê y học, sử dụng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu được trình bày theo số lượng và tỷ lệ % của các biến số

2.6. Đạo đức nghiên cứu

- Nghiên cứu được tiến hành sau khi Hội đồng xét duyệt đề cương do trường Đại học Thăng Long thông qua

- Nghiên cứu được sự đồng ý của ban lãnh đạo Bệnh viện Nội tiết Trung ương và kết quả nghiên cứu được phản hồi đến Ban lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

- Đối tượng tham gia nghiên cứu được cung cấp đầy đủ các thông tin về nghiên cứu, tự nguyện tham gia nghiên cứu, có thể dừng tham gia nghiên cứu

3. KẾT QUẢ

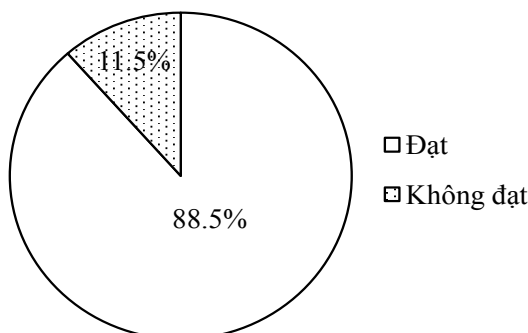
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 234)

Đặc điểm chung		n	%
Giới	Nữ	178	76,1
	Nam	56	23,9
Tuổi	> 30	125	53,4
	≤ 30	109	46,6
Trình độ học vấn	Sau đại học	2	0,8
	Đại học	58	24,7
	Trung cấp, cao đẳng	174	74,4
Thâm niên công tác	> 10 năm	37	15,8
	≤ 10 năm	197	84,2
Tham gia đào tạo PNC	Có	209	89,3
	Không	25	10,7

Nhận xét: Phần lớn ĐDV là nữ chiếm 76,1%. 53,4% ĐDV đã > 30 tuổi. 74,4% ĐDV có trình độ trung cấp/cao đẳng, 84,2% ĐDV có thâm niên công tác ≤ 10 năm. 89,3% ĐDV đã tham gia đào tạo/tập huấn về PNC.

3.2. Thực trạng kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của ĐDV Bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2022



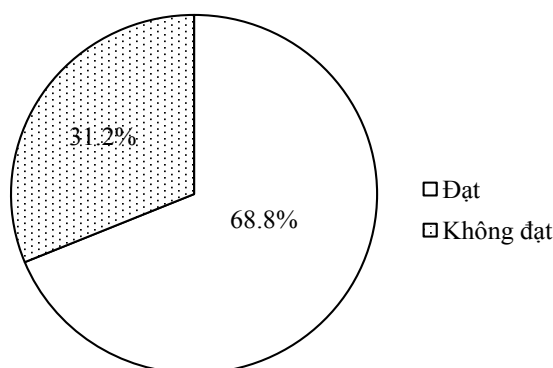
Biểu đồ 1. Tỷ lệ ĐDV đạt về kiến thức phòng ngừa chuẩn (n = 234)

Nhận xét: 88,5% ĐDV có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn, còn 11,5% ĐDV có kiến thức chưa đạt về PNC.

Bảng 2. Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức phòng ngừa chuẩn theo từng nội dung (n = 234)

Nội dung kiến thức	Đạt		Không đạt	
	n	%	n	%
Kiến thức chung trong PNC	107	45,7	127	54,3
Kiến thức vệ sinh tay	198	84,6	36	15,4
Kiến thức về sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân	164	70	70	30
Kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn	203	86,7	31	13,2
Kiến thức vệ vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh	230	98,2	4	1,8
Kiến thức xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải	10	4,3	224	95,8
Kiến thức đạt về vệ sinh môi trường và quản lý chất thải y tế	194	82,9	40	17,1

Nhận xét: Kiến thức vệ vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh đạt cao nhất chiếm 98,2%, tiếp theo là kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn chiếm 86,7%. Bên cạnh đó kiến thức đạt thấp nhất về xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải chỉ có 4,3% ĐDV đạt.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ đạt về thái độ trong phòng ngừa chuẩn (n = 234)

Nhận xét: 68,8% ĐDV có thái độ đạt về phòng ngừa chuẩn và còn 31,2% ĐDV có thái độ chưa đạt về phòng ngừa chuẩn.

Bảng 3. Thái độ của ĐDV về phòng ngừa chuẩn theo từng nội dung (n = 234)

Thái độ của NVYT	Rất đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		Rất không đồng ý	
	n	%	n	%	n	%	n	%
NB HIV(+) cần xếp riêng buồng với các NB khác	77	32,9	67	28,6	71	30,3	19	8,1
Đồ vải bệnh nhân HIV(+) cần đánh dấu và giặt riêng với đồ vải của các NB khác	110	47	86	36,8	18	7,7	20	8,5
Cần phải xét nghiệm thường quy tình trạng HIV của mọi NB trước khi phẫu thuật	149	63,7	77	32,9	7	3,0	1	0,4
Khi tiếp xúc với máu của NB có HIV(+) phải mang thêm các phương tiện phòng hộ so với máu của các NB khác,	115	49,1	79	33,8	37	15,8	3	1,3
Phương pháp xử lý vết máu đỏ của NB có HIV(+) phải đặc biệt hơn xử lý vết máu của các NB khác,	157	67,1	70	29,9	3	1,3	4	1,7
Sau khi tiêm cho NB HIV(+) phải tách riêng kim tiêm và xử lý đặc biệt hơn các kim tiêm nhiễm khuẩn từ các NB khác.	105	44,9	65	27,8	48	20,5	16	6,8
Khi khám, chăm sóc và điều trị cho NB lao, NB HIV(+) phải luôn luôn đeo găng tay.	117	50	101	43,2	12	5,1	4	1,7
Chăm sóc NB HIV(+) là nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp lớn nhất đối với NVYT ở nơi làm việc	115	49,1	91	38,9	26	11,1	2	0,9
NVYT chỉ coi máu của NB HIV là có tiềm năng nguy hiểm	11	4,7	58	24,8	127	54,3	38	16,2
Mục đích chính của PNC chỉ là để bảo vệ NVYT	39	16,7	20	8,5	131	56	44	18,8
PNC giúp giảm nhiễm khuẩn liên quan đến cơ sở y tế, phơi nhiễm nghề nghiệp cho nhân viên y tế	119	50,9	107	45,7	6	2,6	2	0,9
Nếu tỷ lệ tuân thủ PNC của nhân viên y tế tăng lên thì tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh giảm xuống	12	5,1	14	6,0	104	44,4	104	44,4

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thái độ của NVYT	Rất đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		Rất không đồng ý	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Rửa tay nhiều lần trong ngày sẽ làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện	95	40,6	117	50,0	13	5,6	9	3,8
Quan điểm cá nhân khi đồng nghiệp không tuân thủ VST khi thực hiện các thủ thuật xâm lấn trên người bệnh như đặt kim luân, đặt nội khí quản	18	7,7	15	6,4	103	44	98	41,9
Quan điểm của cá nhân khi đồng nghiệp không tuân thủ rửa tay trước khi khám thông thường, kiểm tra vết mổ sạch...	22	9,4	7	3,0	132	56,4	73	31,2
Mục đích của mang phương tiện phòng hộ là bảo vệ NVYT, người bệnh và cộng đồng	163	69,7	67	28,6	3	1,3	1	0,4
Các biện pháp phòng ngừa chuẩn NKBV cần được quan tâm tại các cơ sở khám, chữa bệnh	154	65,8	78	33,3	1	0,4	1	0,4
Tuân thủ thực hiện các biện pháp phòng ngừa chuẩn NKBV giúp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.	155	66,2	75	32,1	4	1,7	0	0
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa chuẩn NKBV giúp bảo vệ nhân viên y tế trước nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp,	141	60,3	88	37,6	4	1,7	1	0,4
Các biện pháp phòng ngừa chuẩn NKBV rất cần được đào tạo thường xuyên và liên tục tại các cơ sở khám, chữa bệnh	150	64,1	79	33,8	4	1,7	1	0,4
Các biện pháp phòng ngừa chuẩn NKBV đóng góp quan trọng vào việc giảm NKBV.	151	64,5	78	33,3	4	1,7	1	0,4

Nhận xét: Mục đích của mang phương tiện phòng hộ là bảo vệ NVYT, người bệnh và cộng đồng chiếm tỉ lệ ĐDV rất đồng ý cao nhất 69,7%. Tiếp đến là phương pháp xử lý vết máu đổ của NB có HIV(+) phải đặc biệt hơn xử lý vết máu của các NB khác chiếm 67,1%.

Tỷ lệ ĐDV rất không đồng ý cao nhất ở nội dung nếu tỷ lệ tuân thủ PNC của nhân viên y tế tăng lên thì tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh giảm xuống.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên

Hiểu đường mắt xích trong vòng tròn lây nhiễm là có thể hiểu đúng về kiến thức cơ bản của việc phòng ngừa chuẩn. Phá được các mắt xích lây truyền nghĩa là phòng ngừa được nhiễm khuẩn bệnh viện[4]. Trong nghiên cứu này đánh giá chung về kiến thức đạt trong phòng ngừa chuẩn cao chiếm 88,5%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với kết quả nghiên cứu Vũ Xuân Tú (2017), trong đó ĐDV có kiến thức chưa tốt về phòng ngừa chuẩn chiếm 73,4% [5]. Bên cạnh đó phù hợp với nghiên cứu Trần Thị Huyền Trang năm 2021 87,5% NVYT có kiến thức đạt.

Trong nghiên cứu này, kiến thức về vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh đạt cao nhất chiếm 98,2%. Kết quả này tương đương với nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên năm 2019, 93,53% ĐDV có kiến thức đạt về việc vệ sinh ho, hô hấp và sắp xếp NB[6]. Tuy vậy, vẫn còn một số NVYT chưa nhận thức đầy đủ về việc vệ sinh ho, hô hấp. Điều này cho thấy cần tăng cường hơn nữa công tác tập huấn cho các ĐDV tại bệnh viện.

Nguy cơ lây nhiễm từ tổn thương do các vật sắc nhọn ở nhân viên y tế cần được xem như là một phần của một nhóm nguy cơ lớn hơn – đó là tiêm không an toàn. Một mũi tiêm an toàn được định nghĩa là “một mũi tiêm không gây hại cho người được tiêm, người tiêm và cộng đồng”. Trong nghiên cứu này kiến thức về tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn có tỷ lệ ĐDV trả lời đạt chiếm 86,7%. Tỷ lệ này cao hơn trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Dũng và Đỗ Trần Hùng (2013) trong đó nhân viên y tế (NVYT) nhận thức đúng việc không bỏ gập hoặc tháo rời kim tiêm ra khỏi bơm tiêm sau khi sử dụng chiếm 64,2% [7]. Kiến thức

việc phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn (VSN) là cần thiết ở NVYT, qua đó, tránh được các rủi ro khi bị tổn thương do VSN. ĐDV là người thường xuyên thực hiện các thủ thuật, tiêm, rửa dụng cụ, phân loại chất thải y tế (CTYT), do vậy ĐDV cũng là đối tượng có nguy cơ cao về tổn thương do VSN.

Kiến thức về xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải là một phần quan trọng trong công tác phòng ngừa chuẩn (PNC) tại bệnh viện. Xử lý đồ vải và xử lý dụng cụ tốt giúp cho công tác phòng chống NKBV đạt hiệu quả tốt, việc xử lý đồ vải và dụng cụ y tế bằng các biện pháp rửa hấp dụng cụ, ngâm hoá chất khử khuẩn và giặt ở nhiệt độ cao giúp loại bỏ được các mầm bệnh, từ đó tránh được nguy cơ gây nguy hại cho sức khoẻ chính bản thân mỗi NVYT và cho người bệnh. Trong nghiên cứu này chỉ có 4,3% ĐDV có kiến thức đạt về xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải. Đây là con số đáng báo động, bệnh viện cũng như khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn cần tăng cường công tác tập huấn, nâng cao kiến thức việc xử lý dụng cụ và xử lý đồ vải.

4.2. Thái độ về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên

Trong nghiên cứu này, phần lớn ĐDV có thái độ đạt đối với phòng ngừa chuẩn chiếm 68,8%. Trong đó mục đích của mang phương tiện phòng hộ là bảo vệ NVYT, người bệnh (NB) và cộng đồng chiếm tỉ lệ ĐDV rất đồng ý cao nhất 69,7%. Tiếp đến là phương pháp xử lý vết máu đổ của NB có HIV(+) phải đặc biệt hơn xử lý vết máu của các NB khác chiếm 67,1%.

Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Thu Trang và cộng sự (2017) cho thấy thái độ về vệ sinh tay (VST) ở NVYT ở mức cần thiết chiếm 65% trước can thiệp và 69,7% sau can thiệp, mức cần thiết 31,3% trước can thiệp và 30,3% sau

can thiệp [8], nghiên cứu của Noorasyikin 70% NVYT có thái độ tích cực [9]. Bên cạnh đó cao hơn nghiên cứu của Gulifeiya Abuduxike chỉ có 37,3% NVYT có thái độ tích cực [10]. Lý giải sự khác biệt này có thể do bộ câu hỏi thiết kế khác nhau nên nghiên cứu cùng nội dung nhưng có tỷ lệ đạt cao hơn. Và tại thời điểm nghiên cứu này, toàn thế giới phải trải qua đại dịch COVID 19 phức tạp, ĐDV luôn ý thức được việc tuân thủ các quy định nghiêm ngặt của PNC. Do đó tỷ lệ ĐDV của chúng tôi cao hơn so với các nghiên cứu của các năm trước

5. KẾT LUẬN

88,5% ĐDV có kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn, trong đó kiến thức vệ vệ sinh khi ho, hô hấp, sắp xếp người bệnh đạt cao nhất chiếm 98,2%, kiến thức đạt thấp nhất là về xử lý dụng cụ y tế và xử lý đồ vải (4,3%).

68,8% ĐDV có thái độ đạt về phòng ngừa chuẩn, trong đó mục đích của mang phương tiện phòng hộ là bảo vệ NVYT, người bệnh và cộng đồng chiếm tỉ lệ ĐDV cao nhất 69,7%, thấp nhất ở nội dung nếu tỷ lệ tuân thủ PNC của nhân viên y tế tăng lên thì tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh giảm (5,1%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Drohan SE, Levin SA, Grenfell BT (2019), Incentivizing hospital infection control, *Proc Natl Acad Sci U S A*, 116(13), 6221-6225. doi: 10.1073/pnas.1812231116.

2. World Health Organization (2007), Infection prevention and control of epidemic- and respiratory diseases in health care, 7-17.

3. Bộ Y tế (2017), Quyết định số 3916/QĐ-BYT Phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngày 28 tháng 8 năm 2017, chủ biên.

4. Nguyễn Huy Nga, Nguyễn Thanh Hà (2015), *Quản lý chất thải y tế cho cán bộ quản lý*, Nhà xuất bản Y học.

5. Vũ Xuân Tú (2017), Kiến thức, thực hành phòng ngừa chuẩn về nhiễm khuẩn bệnh viện của điều dưỡng các khoa lâm sàng bệnh viện chăm cứu Trung ương và các yếu tố ảnh hưởng năm 2017, *Luận văn Thạc sỹ quản lý bệnh viện*, Đại học Y tế công cộng.

6. Nguyễn Thị Liên (2019), Kiến thức, thái độ của điều dưỡng trong công tác phòng ngừa chuẩn và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa Đức Giang năm 2019, *Luận văn thạc sỹ điều dưỡng*, Trường Đại học Thăng Long.

7. Nguyễn Văn Dũng, Trần Đỗ Hùng, Nghiên cứu kiến thức, thực hành về nhiễm khuẩn bệnh viện của nhân viên y tế tại các bệnh viện thuộc tỉnh Vĩnh Long năm 2012, *Tạp chí Y học Thực hành*, 1(857), 105–110.

8. Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Tấn Thuận, Nguyễn Phú Ngọc Hân (2017), Đánh giá hiệu quả can thiệp về vệ sinh tay cho nhân viên y tế tại bệnh viện Tai Mũi Họng Tp. Hồ Chí Minh năm 2017, *Thời Sự Y Học*, 12/2017.

9. Mohd Nor Noorasyikin, Yee Bit Lian (2019), Knowledge, Attitude and Practices of Standard Precaution among Nurses in Middle-East Hospital, *SciMedicine Journal*, 1, 189-198. DOI:10.28991/SciMedJ-2019-0104-4

10. Abuduxike G, Acar V S, Asut Ozen et al (2021), An Assessment of the Knowledge, Attitude, and Practice Toward Standard Precautions Among Health Workers From a Hospital in Northern Cyprus, *Safety and Health at Work*, 12(1), 66-73. doi: 10.1016/j.shaw.2020.09.003.